

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

--- ** ---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- ** -----

Bản án số: 16 /2025/DS-ST

Ngày 15.4.2025

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng L**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân T** và ông **Nguyễn Văn S**

Th ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Minh T1** - Cán bộ T2
án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - 344A Lê
Thanh N, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
360/2024/TLST - DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3
năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025
giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** (sau đây gọi tắt là Ngân
hàng) Trụ sở tại: B N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp
luật: Ông Nguyễn Đình L1 – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim X – Chức
vụ: Giám đốc QLKH khu vực M – Khối QL&TCTTS; ông Hoàng Thế Q – Chức vụ:
Phó Giám đốc QLKH khu vực M – Khối QL&TCTTS; bà Phan Thị Thanh H – Chức
vụ: Chuyên gia tố tụng - Khối QL&TCTTS; bà Lê Thị Thúy H1 – Chức vụ: Chuyên
gia QLKH – Khối QL&TCTTS và ông Nguyễn Văn L2 – Chức vụ: Chuyên viên tố
t tụng - Khối QL&TCTTS (Theo Giấy uỷ quyền số 12254/UQ-PVB ngày 06/06/2024).
Địa chỉ liên hệ: 02 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Bà Lê Thị Thúy
H1 có mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng D**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện
Đ, tỉnh Quảng Nam. Ông Nguyễn Hoàng D vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thúy H1 trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng D đã ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ như sau:

- Hợp đồng hạn mức cho vay số 260/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/6/2022 với Hạn mức vay: 600.000.000 đồng, thời hạn hạn mức cho vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn khoản vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay và được ghi cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động ngắn hạn, lãi suất cho vay được ghi nhận tại Khế ước nhận nợ (03 tháng đầu tiên là 12,5%/năm, sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở LSCS + biên độ 3,0%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Kỳ hạn trả gốc: Vào ngày kết thúc thời hạn khoản vay (ngày 23/06/2023); kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng;

- *Hợp đồng cho vay số 273/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/6/2022* với số tiền vay: 3.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 300 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay: Vay hoàn vốn mua bất động sản, lãi suất cho vay được ghi nhận tại Khế ước nhận nợ (12 tháng đầu tiên là 8,5%/năm, sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở LSCS + biên độ 3,2%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Kỳ hạn trả gốc, lãi: Vào ngày 25 hàng tháng;

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/11/2021 với Hạn mức thẻ tín dụng: 80.000.000 đồng, lãi suất trong hạn: 25%/năm, thời hạn hiệu lực 5 năm (đến ngày 31/12/2026).

* Tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng, ông Nguyễn Hoàng D đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản thuộc quyền sở hữu của mình gồm:

- Nhà ở tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Khu A, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 043277 (số vào sổ cấp GCN: 00503) do Sở TN&MT tỉnh Q cấp ngày 26/5/2022 đứng tên ông Lê Tấn C. Ông Nguyễn Hoàng D nhận chuyển nhượng ngày 14/6/2022. Nay tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hoàng D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 273/2022/HĐBĐ/PVB-PGDCM ngày 27/6/2022.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Khu G, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 203156 (số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00820/ĐL) do Chủ tịch UBND huyện Đ cấp ngày

01/8/2005 đứng tên ông Lê T3 và bà Nguyễn Thị T4. Ông Lê Tấn C nhận thừa kế và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng D vào ngày 25/3/2022. Nay tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hoàng D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 134/2022/HĐBĐ/PVB-PGDCM ngày 05/4/2022.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay tổng số tiền 3.600.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 28/06/2022, ngày 23/12/2022 và phát hành thẻ tín dụng hạn mức 80.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hoàng D.

Ông Nguyễn Hoàng D đã nhận thẻ và đã sử dụng thẻ tín dụng để rút tiền mặt, thực hiện giao dịch thanh toán mua hàng theo quy định với tổng giá trị 851.522.120 đồng.

Sau khi nhận nợ, ông Nguyễn Hoàng D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: 455.297.575 đồng.

Ngày 23/6/2023 ông Nguyễn Hoàng D vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm, nhưng đến nay ông Nguyễn Hoàng D vẫn cố ý trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, cũng như không tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý và thu hồi nợ.

Nay Ngân hàng TMCP Đ đề nghị HĐXX giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng D thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng hạn mức cho vay số 260/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022, Hợp đồng cho vay 273/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/11/2021 tạm tính đến hết ngày 15/4/2025 là 4.557.204.313 đồng, trong đó:

- + Hợp đồng hạn mức cho vay số 260/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/6/2022: Dư nợ 816.431.875 đồng, trong đó: Nợ gốc 591.300.848 đồng, lãi trong hạn 6.435.616 đồng, lãi trên gốc quá hạn 217.526.421 đồng, lãi chậm trả lãi 1.168.990 đồng;

- + Hợp đồng cho vay 273/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/0/2022: Dư nợ 3.595.076.508 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.869.998.002 đồng, lãi trong hạn 635.670.192 đồng, lãi trên gốc quá hạn 34.777.594 đồng, lãi chậm trả lãi 54.630.720 đồng;

- + Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/11/2021: Dư nợ 145.695.930 đồng, trong đó: Nợ gốc 68.822.033 đồng, lãi 41.904.576 đồng và phí 34.969.321 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hoàng D phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng hạn mức cho vay số 260/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022, Hợp đồng cho vay 273/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022

và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/11/2021 kể từ ngày 16/4/2025 cho đến khi tất toán các khoản vay.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng D không thanh toán toàn bộ các nghĩa vụ nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 273/2022/HĐBĐ/PVB-PGDCM ngày 27/06/2022 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 134/2022/HĐBĐ/PVB-PGDCM ngày 05/04/2022 để thanh toán các khoản nợ vay tại Ngân hàng.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng D kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo mở phiên họp.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nay là Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc ông Nguyễn Hoàng D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 15/4/2025 là 4.557.204.313 đồng (nợ gốc 3.461.298.850 đồng, nợ lãi 950.209.533 đồng và dư nợ thẻ tín dụng 145.695.930 đồng).

Ông D tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức cho vay số 260/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/6/2022, Hợp đồng cho vay 273/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/6/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/11/2021 kể từ ngày 16/4/2025 cho đến khi thanh toán tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông D thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ bản chính cho người thế chấp theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp ông D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487; tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Khu A, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 790; tờ

bản đồ số 15, địa chỉ: Khu A, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 299, 323 Bộ luật dân sự năm 2015 năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

*** Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Hoàng D nhng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 15/4/2025 là 4.557.204.313 đồng. Trong đó: Nợ gốc 3.461.298.850 đồng, nợ lãi : 950.209.533 đồng (lãi trong hạn : 642.105.808 đồng, lãi quá hạn: 252.303.015 đồng, lãi chậm trả lãi: 55.799.710 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng 145.695.930 đồng (Nợ gốc: 68.822.033 đồng, lãi 41.904.576 đồng và phí 34.969.321 đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

- Theo hợp đồng hạn mức số 260/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022 thì Ngân hàng cho ông D vay 600.000.000 đồng ,thời hạn hạn mức cho vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn khoản vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay và được ghi cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động ngắn hạn, lãi suất cho vay được ghi nhận tại Khế ước nhận nợ (03 tháng đầu tiên là 12,5%/năm, sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở LSCS + biên độ 3,0%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Kỳ hạn trả gốc: Vào ngày kết thúc thời hạn khoản vay (ngày 23/06/2023); kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng;

- Theo Hợp đồng cho vay số 273/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/6/2022 thì Ngân hàng cho ông D vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 300 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay: Vay hoàn vốn mua bất động sản, lãi suất cho vay được ghi nhận tại Khế ước nhận nợ (12 tháng đầu tiên là 8,5%/năm, sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở LSCS + biên độ 3,2%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Kỳ hạn trả gốc, lãi: Vào ngày 25 hàng tháng;

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/11/2021 với Hạn mức thẻ tín dụng: 80.000.000 đồng , lãi suất trong hạn: 25%/năm, thời hạn hiệu lực 5 năm (đến ngày 31/12/2026).

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay tổng số tiền 3.600.000.000 đồng theo các Khế ước nhận nợ ngày 28/06/2022, ngày 23/12/2022 và phát hành thẻ tín dụng hạn mức 80.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hoàng D.

Ông Nguyễn Hoàng D đã nhận thẻ và đã sử dụng thẻ tín dụng để rút tiền mặt, thực hiện giao dịch thanh toán mua hàng theo quy định với tổng giá trị 851.522.120 đồng,

- Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của ông Nguyễn Hoàng D tại Ngân hàng nêu trên là:

- Nhà ở tại Khu A, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 043277 (số vào sổ cấp GCN: 00503) do Sở TN&MT tỉnh Q cấp ngày 26/5/2022 đứng tên ông Lê Tấn C. Ông Nguyễn Hoàng D nhận chuyển nhượng ngày 14/6/2022. Nay tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hoàng D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 273/2022/HĐBĐ/PVB-PGD CM ngày 27/06/2022.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487; tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Khu G, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 203156 (số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00820/ĐL) do Chủ tịch UBND huyện Đ cấp ngày 01/8/2005 đứng tên ông Lê T3 và bà Nguyễn Thị T4. Ông Lê Tấn C nhận thừa kế và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng D vào ngày 25/3/2022. Nay tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hoàng D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 134/2022/HĐBĐ/PVB-PGD CM ngày 05/4/2022.

HĐXX xét thấy: Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa các bên là tự nguyện, các nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết, thỏa thuận phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hoàng D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: **455.297.575** đồng, cụ thể:

+ Hợp đồng số 260 ông D thanh toán 41.478.193 đồng (trong đó nợ gốc 8.699.152 đồng, nợ lãi 32.779.041 đồng).

+ Hợp đồng số 273 ông D thanh toán 413.819.382 đồng (trong đó nợ gốc 130.001.998 đồng, nợ lãi 32.779.041 đồng).

+ Thẻ tín dụng ông D thanh toán 795.911.194 đồng (trong đó nợ 782.700.087

đồng, nợ lãi 9.666.957 đồng, phí 3.655.150 đồng).

Từ ngày 23/6/2023 đến nay ông D không thanh toán bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà hai bên đã ký kết. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Nguyễn Hoàng D phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/4/2025 là 4.557.204.313 đồng, trong đó: nợ gốc 3.461.298.850 đồng, nợ lãi : 950.209.533 đồng (lãi trong hạn : 642.105.808 đồng, lãi quá hạn: 252.303.015 đồng, lãi chậm trả lãi: 55.799.710 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng 145.695.930 đồng (Nợ gốc: 68.822.033 đồng, lãi 41.904.576 đồng và phí 34.969.321 đồng) là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 nay là Điều 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày 16/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 260/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022, hợp đồng tín dụng số 273/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/11/2021.

[2.2] Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Hoàng D không trả số tiền nêu trên thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo Điều 299 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng D thanh toán nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại cho ông Nguyễn Hoàng D bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật dân sự.

[2.3] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm, nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.557.204 đồng. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

[4] Về chi phí tố tụng:

- Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng, ông Nguyễn Hoàng D phải chịu. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên buộc ông Nguyễn Hoàng D phải trả lại cho Ngân hàng số tiền là 8.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là Điều 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024) ; Các Điều 463, 466, 299, 322 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Hoàng D.

Xử: Buộc ông Nguyễn Hoàng D phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 15/4/2025 là 4.557.204.313 đồng, trong đó nợ gốc: 3.461.298.850 đồng, nợ lãi : 950.209.533 đồng (lãi trong hạn : 642.105.808 đồng, lãi quá hạn: 252.303.015 đồng, lãi chậm trả lãi: 55.799.710 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng 145.695.930 đồng (nợ gốc: 68.822.033 đồng, lãi 41.904.576 đồng và phí 34.969.321 đồng).

Kể từ ngày 16/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 260/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022, hợp đồng tín dụng số 273/2022/HĐTD/PVB-PGDCM ký ngày 27/06/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/11/2021.

* Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Hoàng D không trả số tiền nêu trên thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý để đảm bảo thi hành án. Gồm:

- Nhà ở tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Khu A, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 043277 (số vào sổ cấp GCN: 00503) do Sở TN&MT tỉnh Q cấp ngày 26/5/2022 đứng tên ông Lê Tấn C. Ông Nguyễn Hoàng D nhận chuyển nhượng ngày 14/6/2022. Nay tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hoàng D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 273/2022/HĐBĐ/PVB-PGDCM ngày 27/06/2022.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487; tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Khu G, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 203156 (số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00820/ĐL) do Chủ tịch UBND huyện Đ cấp ngày 01/8/2005 đứng tên ông Lê T3 và bà Nguyễn Thị T4. Ông Lê Tấn C nhận thừa kế và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng D vào ngày 25/3/2022. Nay tài sản thuộc sở

hữu của ông Nguyễn Hoàng D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 134/2022/HĐBD/PVB-PGDCM ngày 05/4/2022.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng D thanh toán nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại cho ông Nguyễn Hoàng D bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Hoàng D phải chịu là 112.557.204 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 55.991.806 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0004598 ngày 29 tháng 10 năm 2024.

3. Về chi phí tố tụng:

- Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng, ông Nguyễn Hoàng D phải chịu. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên buộc ông Nguyễn Hoàng D phải trả lại cho Ngân hàng số tiền là 8.000.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Loan

